

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch Covid-19
trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số biện pháp hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại văn bản số 1241/SLĐT BXH-LĐVLBH ngày 16 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo quy định tại điểm 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, như sau:

1. Đối tượng được hỗ trợ

Người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do), làm việc trong nhóm ngành, nghề, lĩnh vực sau:

- a) Bán hàng rong, buôn bán nhỏ lẻ không có địa điểm cố định;
- b) Thu gom rác, phế liệu;
- c) Bốc vác, vận chuyển hàng hoá (tại các chợ, bến tàu, bến xe, bến cảng, nhà kho).
- d) Lái xe mô tô 02 bánh chở khách.
- đ) Người tự làm hoặc làm việc tại các hộ kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, lưu trú (phục vụ bàn ăn uống, đầu bếp, phục vụ bếp, lễ tân, tạp vụ); chăm sóc sức khỏe (massage, xoa bóp y học, châm cứu).

2. Điều kiện hỗ trợ

Người lao động được hỗ trợ khi đủ các điều kiện sau:

a) Người lao động có thu nhập chính từ ngành, nghề thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải tạm dừng công việc, không có việc làm, giảm thu nhập trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

b) Đang cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định của pháp luật.

3. Mức hỗ trợ, phương thức chi hỗ trợ:

a) Mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/người/lần.

b) Phương thức thực hiện: hỗ trợ 01 lần cho người lao động.

c) Trường hợp Người lao động quy định tại **khoản 1 Điều này** nếu thuộc diện được hỗ trợ nhiều chính sách, thì chỉ được hưởng một chính sách cao nhất.

4. Nguồn kinh phí hỗ trợ

a) Ngân sách địa phương theo phân cấp, gồm: 50% dự phòng ngân sách; nguồn cải cách tiền lương còn dư (nếu có).

b) Nguồn kinh phí hợp pháp khác.

5. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Người lao động quy định tại khoản 1 Điều này, đăng ký đề nghị được hỗ trợ tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung cấp xã) vào danh sách theo Mẫu số 1a kèm Quyết định này;

b) Trong **02** ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, đối chiếu, tổng hợp danh sách vào Mẫu số 1b kèm Quyết định này và ký xác nhận, gửi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung cấp huyện);

c) Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, phê duyệt danh sách và chỉ đạo tổ chức chi hỗ trợ cho người lao động; đồng thời, tổng hợp danh sách, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội).

d) Trong 02 ngày làm việc, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Tài chính thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

6. Thời gian triển khai hỗ trợ:

Trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021.

Riêng đối với đợt giãn cách xã hội từ ngày 14/7/2021, thời gian hoàn thành việc chi hỗ trợ trước ngày 31 tháng 7 năm 2021.

7. Chế độ báo cáo

Ngày thứ 6 hàng tuần, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp danh sách các đối tượng đã được chi hỗ trợ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức việc rà soát, thẩm định và ban hành Quyết định hỗ trợ cho người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này thuộc phạm vi quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính, Bộ LĐTBXH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT/UBND Tỉnh;
- KBNN Tỉnh;
- Đài PT-TH Đồng Tháp (dự tin);
- Lãnh đạo VP/UBND Tỉnh;
- Công thông tin điện tử Tỉnh (công khai);
- Lưu: VT, KT/HSI (24 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Thiện Nghĩa

UBND XÃ. . .

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH
Người lao động đăng ký hỗ trợ mất việc làm theo Nghị quyết 68/NQ-CP

STT	Họ và Tên người lao động	Năm sinh	Địa chỉ nơi thường trú (số nhà, đường, tổ, khóm, ấp)	Số CMND/ Căn cước công dân	Nghề nghiệp làm việc trước khi mất việc làm	Không có làm việc kể từ ngày, tháng... đến ngày, tháng.....	Tôi cam đoan những thông tin cung cấp là đúng sự thật (ký tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2021
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

UBND XÃ. . .

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH

Chi hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động theo Nghị quyết 68/NQ-CP

STT	Họ và Tên	Năm sinh	Địa chỉ nơi thường trú (số nhà, đường, tổ, khóm, ấp)	Số CMND/ Căn cước công dân	Nghề nghiệp làm việc trước khi mất việc làm	Ký nhận

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2021
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHÊ DUYỆT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Nên lập Danh sách theo khóm, ấp